

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày 07-03-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Ông Nguyễn Văn Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Xuân Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Thành C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: 9/12; bố bị cáo không xác định được; mẹ bị cáo: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1955; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ là chị Nguyễn Thị Hồng A1, sinh năm 2000 và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/11/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Hoàng A, sinh năm 1999; nơi cư trú: Số nhà 26, thôn T2, xã T4, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: 11/12; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1977; gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/11/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Công ty TNHH S

Địa chỉ: Thôn S 2, xã S1, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Trương Văn P, sinh năm 1995- Nhân viên bảo an Công ty TNHH S (Có mặt).

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Ngô Văn H, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn Bảo T3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N, sinh năm 1995, trú tại thôn Thành C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Lê Hoàng A, sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đều là công nhân tổ kỹ thuật công trình thuộc bộ phận TFT của Công ty TNHH S có trụ sở tại xã S, thành phố B.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/11/2022 trong lúc đang làm việc, N rủ Hoàng A trộm cắp các thanh nhôm của công ty thì Hoàng A đồng ý. Sau khi hết giờ làm việc, N đi chiếc xe đạp chở Hoàng A đi đến xưởng C, Lô B3 của công ty S. Chiếc xe đạp này do Hoàng A mượn của anh Ngô Văn H, sinh năm 1982, trú tại thôn Bảo T3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang là tổ trưởng tổ Kỹ thuật công trình để đi lại trong công ty. Tại đây, N và Hoàng A thấy có nhiều khối palet nhôm đã được tập kết ở bên ngoài xưởng. Quan sát xung quanh thấy không có lực lượng bảo vệ và công nhân nên N và Hoàng A nảy sinh ý định trộm cắp. Hoàng A đạp xe đi ra khu nhà xử lý nước thải và khu vực xung quanh xưởng C để quan sát và cảnh giới còn N điều khiển chiếc xe thang ở gần đó đi đến gần vị trí tập kết các thanh nhôm. N xuống xe bê 10 thanh nhôm dạng thành phẩm và 03 cục nhôm dạng phế phẩm để lên xe thang rồi chở đến khu nhà xử lý nước thải của Lô B3. Cùng lúc này, Hoàng A cũng đạp xe đi đến. N đỗ xe thang ở vị trí sát hàng rào ngăn cách nhà xử lý nước thải với ruộng nước ngoài công ty rồi bê 08 thanh nhôm từ trên xe xuống. Sau đó, N bê 04 thanh nhôm đi đến gần tường bao ném qua tường bao ra bãi đất trống bên ngoài. Hoàng A bê lần lượt 06 thanh nhôm còn lại trên xe đưa cho N để N ném ra bên ngoài. Sau khi ném 10 thanh nhôm thành phẩm ra bên ngoài, hai người quay lại xe thang bê 03 cục nhôm phế phẩm đi ra gần tường bao rồi ném ra ngoài trong đó N ném 02 cục nhôm còn Hoàng A ném 01 cục nhôm. Sau khi ném hết số nhôm trên ra bên ngoài, N điều khiển xe thang để vào vị trí cũ còn Hoàng A đạp xe ra ngoài cổng. Sau đó, N đi bộ ra cổng chính Lô B3 còn Hoàng A đi xe đạp sang Lô B6 để lấy xe máy rồi quay lại đón N. Khi Hoàng A chở N đi ra vị trí vừa vất nhôm ở bên ngoài công ty thì nhìn thấy lực lượng bảo vệ của công ty đang có mặt ở đó. N và Hoàng A không dám lấy các thanh nhôm mà quay lại cổng công ty để chấm công rồi đi về nhà.

Ngày 05/11/2022, anh Trương Văn Pú, sinh 1995, trú tại thôn C, xã P huyện L, tỉnh Bắc Giang là đại diện được Công ty S ủy quyền có đơn trình báo. Đoàn Công an Quang C triệu tập Trần Văn N và Lê Hoàng A để làm việc và bàn giao hồ sơ cho Công an thành phố Bắc Giang giải quyết theo thẩm quyền. Tại Công an thành phố B, N và Hoàng A xin đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản tại công ty S ngày 04/11/2022. Quá trình đầu thú, Hoàng A giao nộp 01 một chiếc áo có cổ màu đen; 01 một chiếc quần dài màu đen. N giao nộp 01 một bộ quần áo đồng phục của công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Cơ quan điều tra tiến hành xác định hiện trường và thu giữ tổng số 10 thanh nhôm các loại và 03 cục nhôm dạng nhôm phế phẩm. Tiến hành cân số nhôm đã thu giữ xác định: 08 thanh nhôm, mỗi thanh dài 67,5cm, rộng 9,5cm, cao 4cm có tổng trọng lượng là 46,5 kg; 01 thanh nhôm dài 67,5cm, rộng 10cm, cao 4,5cm có trọng lượng là 07 kg; 01 thanh nhôm dài 67,3cm, rộng 9,5cm, cao 4cm có trọng lượng là 5,5 kg; 03 cục nhôm dạng nhôm phế phẩm có tổng trọng lượng 17 kg.

Kết luận định giá tài sản số 194 ngày 11/11/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng thành phố B kết luận:

- 08 thanh nhôm, mỗi thanh dài 67,5cm, rộng 9,5cm, cao 4cm, trên thân mỗi thanh nhôm được in dòng chữ “SJ”, loại nhôm thành phẩm, chưa qua sử dụng, tổng trọng lượng là 46,5 kg, trị giá tại thời điểm ngày 04/11/2022 là $60.000\text{đồng}/1\text{kg} \times 46,5\text{kg} = 2.790.000$ đồng

- 01 thanh nhôm dài 67,5cm, rộng 10cm, cao 4,5cm, trên thân được in dòng chữ “SJ”, loại nhôm thành phẩm, chưa qua sử dụng, tổng trọng lượng là 07 kg, trị giá tại thời điểm ngày 04/11/2022 là $60.000\text{đồng}/1\text{kg} \times 7\text{kg} = 420.000$ đồng

- 01 thanh nhôm dài 67,3cm, rộng 9,5cm, cao 4cm, trên thân được in dòng chữ “SJ”, loại nhôm thành phẩm, chưa qua sử dụng, tổng trọng lượng là 5,5 kg, trị giá tại thời điểm ngày 04/11/2022 là $60.000\text{đồng}/1\text{kg} \times 5,5\text{kg} = 330.000$ đồng

- 03 cục nhôm, dạng nhôm phế phẩm, có tổng trọng lượng 17 kg, trị giá tại thời điểm ngày 04/11/2022 là $30.000\text{đồng}/1\text{kg} \times 17\text{kg} = 510.000$ đồng

Tổng giá trị tài sản là: 4.050.000 đồng.

Cơ quan điều tra trích xuất, thu giữ dữ liệu camera của công ty Seojin ghi lại hình ảnh sự việc và cho Trần Văn N và Lê Hoàng A xem. Kết quả hai bị can xác định có hình ảnh N cùng Hoàng A thực hiện hành vi lấy các thanh nhôm của Công ty S.

Cơ quan điều tra cho Trần Văn N, Lê Hoàng A thực nghiệm hành vi tại hiện trường. Kết quả các bị can thực hiện thuần thực các động tác lấy các thanh nhôm tại Công ty S như đã khai.

Ngày 15/11/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả 01 một chiếc áo có cổ màu đen; 01 một chiếc quần dài màu đen, 01 một bộ quần áo đồng phục của công ty trách nhiệm hữu hạn S cho các bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 03 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Văn N, Lê Hoàng A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn N và Lê Hoàng A khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên và xác định Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng, không oan, các bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa đều xác định nội dung vụ án như các bị cáo trình bày và cáo trạng của Viện kiểm sát nêu là đúng. Nay không có yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh và hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn N.

Giao bị cáo Hoàng Văn N cho UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng A từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Hoàng A.

Giao bị cáo Lê Hoàng A cho UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

2. Về án phí: Đề nghị áp dụng vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát; các bị cáo xin cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/11/2022, N và Hoàng A có hành vi lấy trộm tổng số 10 thanh nhôm các loại và 03 cục nhôm dạng nhôm phế phẩm của công ty TNHH S. Tổng trị giá tài sản lấy trộm là 4.050.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty S nơi các bị cáo làm việc, gây ảnh hưởng đến Công ty S và mất trật tự trị an tại địa phương và tại Công ty S.

[3.2] Về vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo N là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Hoàng A là người giúp sức cho bị cáo N. Do vậy, bị cáo N có vai trò cao hơn so với bị cáo Hoàng A.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội đều có nhân thân tốt, chưa bị Tòa án nào xét xử, chưa bị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào xử lý hành chính.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội các bị cáo tự nguyện xin đầu thú, đồng thời các bị cáo đều có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử thấy không cần bắt các bị cáo phải chịu hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo thì các bị cáo cũng có thể tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do hiện nay các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331, Điều 333, khoản 1 Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh và hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N 08 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn N cho UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

- Xử phạt bị cáo Lê Hoàng A 07 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hoàng A cho UBND xã T4, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Hoàng A và bị cáo Trần Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- CQCSĐT-CA TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- UBND xã T, h.Y, Bắc Giang;
- UBND xã T4, tp B, Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng